TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D K** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ An
Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bảo Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa: 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều O - sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn Phú N Đ, xã Mỹ L, huyện Ph M, tỉnh Bình Định.
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Bị đơn: Ông Trần Đăng T - sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn Mỹ L, xã Bình L, huyện D K, Khánh Hòa.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kiều O trình bày:

Bà và ông Trần Đăng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Phù M, tỉnh Bình Định vào năm 2002. Sau khi kết hôn bà và ông Tình sinh sống với nhau tại xã Bình L, huyện D K, trong quá trình chung sống bắt đầu từ năm 2013 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện gây sự cãi vã với vợ con, không quan tâm chăm lo đến đời sống gia đình; từ đó dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà đã về nhà cha mẹ mình sống từ năm 2014 cho đến nay.

Trong quá trình vợ chồng không còn chung sống với nhau thì ông T lâu lâu có gọi điện cho con hỏi thăm chứ không gọi cho bà để đề cập đến việc hàn gắn gia đình. Khi bà nộp đơn ly hôn thì bà có báo cho ông T biết nhưng ông T nói bà muốn làm gì thì làm. Hai bên gia đình cũng biết việc bà yêu cầu ly hôn nhưng chỉ nói vợ chồng bà đã lớn nên tự định đoạt. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Tình, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trần Ngọc Tường V, sinh năm 2002 và Trần Khánh Ng, sinh năm 14/11/2006. Cháu V đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì, còn cháu Ng thì đang sinh sống với bà nên bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Tình cấp dưỡng nuôi con vì bà có công việc ổn định, đảm bảo khả năng nuôi dưỡng con tốt, từ trước đến giờ bà vẫn một mình nuôi con, ông T không chu cấp gì cho việc nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đăng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kiều O đối với ông Trần Đăng T. Về con chung: Trần Ngọc Tường V, sinh năm 2002 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xem xét. Giao cháu Trần Khánh Ng, sinh năm 14/11/2006 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà O tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà O xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xét. Bà O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kiều O và ông Trần Đăng T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Ph M, tỉnh Bình Định và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 vào ngày 23/8/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà O xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được; hiện tại, bà O không còn tình cảm với ông T; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Bà O và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc điều này thể hiện ông T có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà O và ông T có 02 con chung là Trần Ngọc Tường V, sinh năm 2002 và Trần Khánh Ng, sinh năm 14/11/2006. Cháu V đã thành niên, khỏe mạnh không xét. Hiện tại, cháu Ng đang sinh sống với bà và bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, xét thấy cần giao con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Ghi nhận việc bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kiều O xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Trần Đăng T chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị Kiều O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Kiều O được ly hôn với ông Trần Đăng T.

2. Về con chung:

Trần Ngọc Tường V, sinh năm 2002 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Bà Trần Thị Kiều O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Khánh Ng, sinh ngày 14/11/2006 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà O tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà O, ông T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kiều O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012372 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K - tỉnh Khánh Hòa. Bà O đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- UBND xã Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Ph M, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 23/8/2002);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa